SỰ NGHIỆP VIẾT CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ CÂU CHUYỆN TỰ DO TRONG SÁNG TẠO VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

♦ GS. PHONG LÊ

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - người sáng lập Đảng và lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam là người có một sự nghiệp viết bắt đầu từ 1919 với *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Versailles. Trong 8 điểm trong *Yêu sách của nhân dân An Nam*, có 4 điểm đòi quyền tự do cho người An Nam:

"3. Tự do báo chí và ngôn luận

4. Tự do lập hội và hội họp

5. Tự do di cư và đi ra nước ngoài

6. Tự do mở trường và thành lập ở tất cả các tỉnh những trường dạy kỹ thuật và nghề nghiệp cho người bản xứ theo học".

Đây chỉ là mấy yêu cầu tự do tối thiểu nằm trong một phạm trù tự do rộng lớn, gắn với Độc lập cho dân tộc và Hạnh phúc cho nhân dân, làm thành bộ ba: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc, trên cơ sở nền Dân chủ-Cộng hòa - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - sẽ được thực hiện trọn vẹn sau Cách mạng tháng Tám - 1945 mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và là vị Chủ tịch đầu tiên.

Và như vậy, nói đến sự nghiệp viết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh bắt đầu từ năm 1919 cho đến khi qua đời năm 1969 thì đó là nói đến 50 năm viết, với hai giai đoạn:

1. Từ 1919 đến 1945.

2. Từ 1945 đến 1969.

Ở giai đoạn thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc, và sau đó là Hồ Chí Minh, có một sự nghiệp viết trong tư cách một chiến sĩ cách mạng có ý thức sử dụng "vũ khí của tiếng nói" để thực hiện sứ mệnh lịch sử cao nhất và duy nhất là độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân Việt Nam. Một sự nghiệp viết bắt đầu bằng hai loại chữ - Pháp và Việt - nhằm vào hai đối tượng: một là thực dân Pháp và chính quyền tay sai Nam triều; và hai là nhân dân lao khổ trên toàn thế giới, trong đó có người An Nam. Với kẻ thù, thì đó là sự cảnh tỉnh; với nhân dân bản xứ và người nghèo khổ trên khắp thế giới thì đó là sự thức tỉnh. Cảnh tỉnh và thức tỉnh - đó là hai mục tiêu lớn trong sự nghiệp viết, trước hết là báo chí, và sau đó là văn học của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, từ 1919 đến 1945. Một sự nghiệp viết, bắt đầu từ *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919), báo *Le Paria*, kịch *Con rồng tre*, những truyện ngắn, tiểu phẩm đăng trên các báo tiếng Pháp ở Paris những năm đầu thập niên 1920, và *Bản án chế độ thực dân Pháp*, in ở Paris (1925).

Tiếp đó là *Đường Kách mệnh* (1927) và *Nhật ký chìm tàu* (1931) bằng tiếng Việt bị cấm và tịch thu.

Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, sau 30 năm xa xứ; và trong 4 năm mở đầu thập

niên 1940 là sự dồn tụ một sự nghiệp viết trên nhiều thể, loại như văn, thơ, diễn ca, chính luận, trong đó rất quan trọng là thơ tiếng Việt trên 30 bài được gọi là Thơ ca Việt Minh đăng trên báo *Việt Nam độc lập*; diễn ca *Lịch sử nước ta*, 208 câu; *Ngục trung nhật ký* - 135 bài thơ chữ Hán; nhiều thư kêu gọi và hiệu triệu quốc dân đánh Pháp, đuổi Nhật, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa; và cuối cùng là *Tuyên ngôn độc lập* - năm 1945.

Hơn 25 năm trước 1945, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã để lại một sự nghiệp viết trên ba loại chữ - Pháp, Hán, Việt - nhằm hướng tới một mục tiêu cao nhất và duy nhất là Độc lập cho dân tộc, Tự do và Hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam... Hơn hai mươi lăm năm viết (1919-1945), trong 30 năm xa xứ (1911-1941), nhà cách mạng và lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đã để lại cho nhân dân Việt Nam một di sản báo chí, văn chương vô cùng quý giá, trong đó có những tác phẩm đứng ở đỉnh cao nhất các giá trị của văn minh và nhân đạo. Đó là *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Ngục trung nhật ký* (1943) và *Tuyên ngôn độc lập* (1945).

Cần một lược kể như trên để nói một sự thật, đúng hơn, một chân lý đơn giản: Trong thân phận một người dân mất nước; một nước Việt Nam mất tên gọi trên bản đồ; một thanh niên đi tìm đường phải thay tên đổi họ nhiều chục lần; phải làm đến 12 nghề để kiếm sống; phải trải một hành trình 30 năm xa xứ, với hai lần bị bắt, hai lần bị án tù, hai lần có tin chết, chắc chắn Nguyễn không có chút tự do nào trong hoạt động và kiếm sống. Thế mà Nguyễn đã rất tự do trong cả một sự nghiệp viết rất đồ sộ; và với sự nghiệp đó Nguyễn đã thành người đặt nền móng và kết tụ những tinh hoa cho nền văn chương và báo chí cách mạng Việt Nam thế kỷ XX.

Ba mươi năm xa xứ. Hơn hai mươi lăm năm viết. Viết đã trở thành một phương thức cho hoạt động cách mạng, một vũ khí của tiếng nói. Với Nguyễn, viết không phải để lưu lại một sự nghiệp văn chương, như bất cứ nhà thơ, nhà văn nào khác cùng thời. Nếu có một sự nghiệp thì đó là chủ quyền của Tổ quốc - còn trong nô lệ - là lợi ích của nhân dân - còn rất lầm than. "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi. Đó là tất cả những gì tôi biết. Đó là tất cả những gì tôi hiểu". Quên mình đi trong một sự nghiệp lớn, trong đó có sự nghiệp viết, *Bản án chế độ thực dân* ấn hành bằng tiếng Pháp ở Paris năm 1925 phải đến 1946 mới xuất hiện ở Việt Nam và đến 1960 mới được dịch ra tiếng Việt. *Nhật ký chìm tàu* với dòng chữ "phi mại phẩm" (không phải để bán) ở trang bìa, viết bằng hai loại chữ - chữ Nôm và chữ Quốc ngữ - bị cấm ngay sau khi được chuyền tay ở xứ Nghệ. *Ngục trung nhật ký* được viết trong 14 tháng ở các nhà lao Quảng Tây Trung Quốc, phải 17 năm sau, cả bản Hán và bản dịch mới được ra mắt công chúng trong nước và ngoài nước. Hơn mười truyện ngắn và ký viết bằng tiếng Pháp ở Paris những năm đầu 1920, phải hơn 50 năm sau mới có bản in tiếng Việt... Nói như vậy để hiểu: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người tuyệt đối được tự do trong suốt 30 năm xa xứ, thậm chí ngay cả trong 14 tháng bị giam cầm, và không có băn khoăn gì về yêu cầu tự do cho việc viết. Có nghĩa là bất cứ lúc nào, bất cứ trong hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng giành được cho mình quyền tự do cao nhất, đó là sự toàn tâm toàn ý cho một sự nghiệp lớn - vì Tổ quốc, vì Nhân dân, vì hạnh phúc của

Con người, trước hết là những con người bé mọn, nghèo khổ.

Từ 1919 đến 1945 trong sự nghiệp viết của mình, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không có nhu cầu phải thuyết phục ai, giáo dục ai về quan niệm viết, về kinh nghiệm viết, ngoài việc thể hiện mình, bộc lộ mình trung thành và trọn vẹn trên tất cả các trang viết, thuộc mọi chủng loại - đó là *Yêu sách của nhân dân An Nam*, hoặc *Bản án chế độ thực dân Pháp*; là một vần thơ cực kỳ giản dị như *Hòn đá* cho quần chúng mù chữ ai cũng hiểu, đến một triết lý thâm trầm về sự sống trong cảnh ngộ một người tù; một hiệu triệu gửi các giới đồng bào gia nhập Việt Minh hoặc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa đến một *Tuyên ngôn độc lập*, nhân danh lịch sử và nhân danh dân tộc nói với tương lai và nhân loại.

Từ 1945, ở cương vị Chủ tịch nước, sau khi đọc *Tuyên ngôn độc lập*, cho đến 1969, công bố *Di chúc* sau khi qua đời, Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục một sự nghiệp viết gồm nhiều thể, loại; như thơ chữ Hán và thơ chữ Việt (gồm thơ viết cho mình và thơ viết cho các giới đồng bào); thư từ, lời kêu gọi hoặc bài nói chuyện cho các giới nghề nghiệp... Ở khu vực này, Hồ Chí Minh có cơ hội để thể hiện quan niệm của mình về báo chí, văn chương, nghệ thuật...

Nhưng trước khi đi vào việc lĩnh hội quan niệm nghệ thuật của Hồ Chí Minh cần lưu ý một điều là: chưa bao giờ Người nhận mình là nhà thơ, nhà văn; mà chỉ là người yêu thơ, yêu nghệ thuật. "Ngâm thơ ta vốn không ham". Cách trả lời này của Hồ Chí Minh là nhất quán, đối với tất cả giới văn nghệ sĩ trong nước và bè bạn nước ngoài. Mở đầu bài nói chuyện trong buổi bế mạc Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II - năm 1957, Người nói: "Tôi lấy danh nghĩa là một người yêu chuộng văn nghệ xin chúc mừng Đại hội Văn nghệ thành công. Cụ Hoàng (tức Hoàng Ngọc Phách) vừa nói với tôi rằng tôi là một nhà văn nghệ, nhưng tôi chỉ nhận tôi là một người yêu chuộng văn nghệ chứ không phải là một nhà văn nghệ"[1]. Cả trong khi trả lời bạn bè nước ngoài đến thăm và hỏi chuyện. Rơ-nê Đê-pes-tơ-rơ - nhà thơ Haiiti kể: "Người nói rằng: khi ở tù ở miền Nam Trung Quốc, Người đã làm những bài thơ ấy cho qua giờ, rằng Người thật ra không phải là một nhà thơ"[2]. Trả lời nhà thơ Nga Paven Antonxconxki, khi ông ngỏ ý muốn dịch sang tiếng Nga một số bài thơ của Hồ Chí Minh, "Người phá lên cười một cách vui vẻ. Trong đôi mắt Người ánh lên những tia hài hước: - Nhà thơ gì tôi cơ chứ hở đồng chí! Chẳng qua là những năm kháng chiến, khi còn sống trong chiến khu Việt Bắc, chúng tôi có quá nhiều thì giờ rỗi rãi quá đi mất. Và thế là chúng tôi làm thơ chơi. Cả tôi lẫn những đồng chí khác nữa! Ở Việt Nam ai cũng làm thơ cả. Nhưng bây giờ thơ của chúng tôi là những con số. Vâng, đúng như vậy, những con số về mùa màng, hoa lợi, đó là thơ của chúng tôi đấy!"[3].

"Những con số" - ta hiểu đó là một cách nói vui. Nhưng cũng là cách đi vào thực chất hiệu quả và tác dụng của thơ ca. Khi không nhận mình là nhà thơ phải chăng có một quan niệm văn chương riêng của Hồ Chí Minh. Văn chương là công việc cần được coi trọng. Văn chương phải trực tiếp đến với công chúng, và được công chúng đón nhận. Văn chương đòi hỏi tính chuyên nghiệp, phải là một nghề...

Nhớ lại một dịp gặp gỡ khác với nhà văn Liên Xô Rút Bersatxki: "Đồng chí Hồ Chí Minh vui vẻ nhìn tất cả chúng tôi bằng

cặp mắt ngời ngợi tỏa sáng của mình - "Tôi, tất nhiên không thể nào lại ngờ rằng trên cơ sở những bài thơ này, bao giờ đó người ta lại đưa tôi vào hàng các nhà thơ! Không! Nếu như quả thực tôi là nhà thơ, hẳn tôi đã không thể sống mà không sáng tác. Là các nhà văn chuyên nghiệp, các đồng chí hẳn biết rõ điều đó. Còn tôi, như các đồng chí thấy đấy, tôi có thể sống thoải mái không cần phải làm thơ. Và trước khi ở tù cũng như sau khi ra tù, tôi đã sống mà không làm thơ"[4].

Như vậy phải chăng có một yêu cầu riêng và một quan niệm riêng về văn chương ở Hồ Chí Minh? Đã là nhà văn "chuyên nghiệp" thì phải viết, vì viết văn là một nghề; nhà văn phải đóng góp vào đời sống xã hội bằng chính nghề của mình. Nếu sống mà không cần viết, hoặc ít viết, thì không nên xem mình là nhà văn, nhà thơ.

Còn Hồ Chí Minh, nhiều lúc "đã sống mà không làm thơ".

Nhưng lại cũng đừng nên quên: Hồ Chí Minh đã viết trong suốt cuộc đời mình. Người hồi nhỏ có cùng sự đồng cảm với Phan Bội Châu trong niềm yêu thích câu thơ Viên Mai: "Lập thân tối hạ thị văn chương". Cũng chính là người, khi tự mình đối diện với mình, đã từng ghi một phương châm viết: "Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong".

Là nhà cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn xem hoạt động văn hóa-văn nghệ như một hoạt động cải tạo, sáng tạo thế giới ở con người. Văn nghệ không có một mục đích tự thân. Trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp Triển lãm hội họa* năm 1951, Hồ Chí Minh viết: "Văn hóa, văn nghệ cũng như mọi hoạt động khác, không thể ở ngoài, mà phải ở trong kinh tế, chính trị". Bao thế hệ văn nghệ sĩ và công chúng Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua, hẳn không ai không nhập tâm từng lời, từng chữ bức thư trên, khi cuộc kháng chiến đã diễn ra sau 6 năm. "Văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy"[5].

Trước đó, năm 1947, trong *Thư gửi anh em văn hóa, và trí thức Nam Bộ*, Người viết: "Ngòi bút của các bạn là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà"[6]. Đây là quan điểm có tính nguyên tắc trong tư tưởng văn nghệ của Hồ Chí Minh. Khi nhiệm vụ chống ngoại xâm, lật đổ chế độ cũ là nhiệm vụ số một thì hoạt động chính trị và vũ trang phải là nhiệm vụ quyết định, hàng đầu. Đấu tranh chính trị phải là tiêu điểm, là mũi nhọn của đấu tranh giai cấp, nơi đó giai cấp vô sản và quần chúng cách mạng phải chiếm lĩnh trận địa; nơi đó bất cứ một sự mơ hồ hoặc lỏng lẻo nào cũng đều gây tổn thất. Nhưng yêu cầu phục vụ cách mạng trong tinh thần của Hồ Chí Minh không hề mang tinh thần áp đặt mà phải là một hoạt động tự nguyện, tự giác, một đòi hỏi của trách nhiệm, của lương tâm người nghệ sĩ: "Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng"[7].

Có điều cần lưu ý: mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị theo cách tác giả nêu như trên, không có nghĩa là một sự hạ thấp giá trị văn nghệ; cũng không có nghĩa như một sự phân chia tách bạch chính trị và văn nghệ thành hai vế, đối lập nhau, hoặc với trật tự cao thấp, bên nặng bên khinh. Trong bức thư đã gửi trên có đoạn viết: "Tôi thay mặt Chính phủ cảm ơn sự ủng hộ của các bạn. Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh

(Xem tiếp trang 17)

giá trị đúng của dân tộc - là cơ sở, là tiền đề của quá trình tích hợp giá trị văn hóa, hội nhập văn hóa trong điều kiện lịch sử hiện nay. Kiến thức của nhân loại mênh mông như biển, cao như núi, nhưng với Hồ Chí Minh, đúng như nhà văn nổi tiếng Oxip Mandenstam, từ năm 1923, dự báo: "Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai...." Đúng! Văn hóa tương lai là nền văn hóa của CON NGƯỜI, vì con người, lấy con người làm trung tâm, lấy lợi ích con người là mục đích của sự vận động, sự chuyển dịnh trong ứng xử đối với thiên nhiên, đối với xã hội và con người. Minh triết Việt là ở đó. ■

Chú thích:

[1] *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6. NXB Chính trị Quốc gia, 1986, tr. 46.

[2] Theo Trần Văn Giàu (1973). *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam*, tập I. NXB Khoa học xã hội, tr. 303.

[3] Huấn thị cho lớp nghiên cứu chính trị của trường Đại học nhân dân Việt Nam ngày 27.07.1956.

[4] Nhiều tác giả (1995). *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*. NXB Văn hóa, tr. 438.

SỰ NGHIỆP VIẾT CỦA HỒ CHÍ MINH... *(Tiếp theo trang 12)*

quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà, để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do"[8].

Như vậy, cho đến khi dân tộc giành được chủ quyền và mục tiêu của cách mạng được tập trung vào việc xây dựng một xã hội mới, nhằm mưu cầu hạnh phúc cho con người thì yêu cầu về sự phát triển tự do, toàn diện của các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng, đạo đức sẽ được đặt ra trong một quan hệ chỉnh thể, tác động vào nhau; mặt khác, lại phải chú ý đến những đặc trưng riêng, và những yêu cầu nội tại, có tính quy luật cho mỗi lĩnh vực hoạt động, mà những người được phân công hoặc tự nguyện chọn lựa cần phải nắm hiểu, vận dụng.

Văn nghệ cần được tự do. Nhưng tự do của văn nghệ cần được đặt ra trong tự do chung của nhân dân, của dân tộc.

Văn nghệ cần được tự do. Nhưng quan niệm về tự do như thế nào cho đúng, và làm thế nào để được tự do - đó là điều cần hiểu và phát triển trên cơ sở nắm vững yêu cầu cụ thể của thực tiễn cách mạng, và quy luật phát triển nội tại của văn nghệ.

Có thể còn nhiều cách nêu, cách đúc kết các ý kiến của Hồ Chí Minh về văn hóa, văn nghệ nói chung, và về tự do trong sáng tạo văn nghệ nói riêng. Nhưng dầu khai thác thế nào, trên bình diện nào, theo cách thức nào, ở thời điểm nào, theo tôi, quan niệm văn nghệ ở Hồ Chí Minh luôn luôn nhất quán, không phiến diện, không thiên lệch, không mâu thuẫn. Bởi tư tưởng Hồ Chí Minh là nhất quán, sáng rõ và có một tầm nhìn xa. Cái đúng cho tầm gần có thể lạc hậu, thậm chí có thể lệch khi để vào tầm xa. Nhưng cái đúng cho tầm xa thì mọi tầm gần đều sáng rõ. ■

Chú thích:

[1,5,6,7,8] Rút ở sách *Hồ Chí Minh: về công tác văn hoá, văn nghệ*; Nxb Sự thật; H; 1971.

[1,3,4] Rút ở sách *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận*; Nxb Văn học; H; 1981.

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ